

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 202/QĐ-STTTT ngày 30/12/2021 của Giám đốc
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai)*

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
1	2	3	4=5+6	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	120.000.000	120.000.000	120.000.000	
1	Thu phí, lệ phí năm 2022	120.000.000	120.000.000	120.000.000	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	120.000.000	120.000.000	120.000.000	
	Số phí, lệ phí nộp NSNN	120.000.000	120.000.000	120.000.000	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	39.023.000.000	39.023.000.000	22.353.000.000	16.670.000.000
1	Chi quản lý hành chính	5.117.000.000	5.117.000.000	5.117.000.000	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.145.000.000	4.145.000.000	4.145.000.000	
-	Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	2.918.000.000	2.918.000.000	2.918.000.000	
-	Lương hợp đồng không làm chuyên môn nghiệp vụ	169.000.000	169.000.000	169.000.000	
-	Chi thường xuyên theo định mức	952.000.000	952.000.000	952.000.000	
-	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	106.000.000	106.000.000	106.000.000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	972.000.000	972.000.000	972.000.000	
-	Trang phục thanh tra	18.000.000	18.000.000	18.000.000	
-	Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	859.000.000	859.000.000	859.000.000	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
-	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	95.000.000	95.000.000	95.000.000	
2	Chi sự nghiệp Kinh tế	30.290.000.000	30.290.000.000	13.620.000.000	16.670.000.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.133.000.000	1.133.000.000		1.133.000.000
-	Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	781.000.000	781.000.000		781.000.000
-	Chi thường xuyên theo định mức	317.000.000	317.000.000		317.000.000
-	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	35.000.000	35.000.000		35.000.000
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	29.157.000.000	29.157.000.000	13.620.000.000	15.537.000.000
-	Hoạt động của đội kiểm tra liên ngành phòng chống in lậu	27.000.000	27.000.000	27.000.000	
-	Bản tin báo chí viết về tỉnh Gia Lai hàng ngày	97.000.000	97.000.000	97.000.000	
-	Kinh phí kiểm tra chất lượng bưu chính công ích	31.000.000	31.000.000	31.000.000	
-	Tổ chức lễ phát động cuộc thi viết thư UPU	12.000.000	12.000.000	12.000.000	
-	Tập huấn công tác đảm bảo an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính	15.000.000	15.000.000	15.000.000	
-	Hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai	89.000.000	89.000.000	89.000.000	
-	Thuê dịch vụ sao lưu dữ liệu cho các hệ thống dùng chung trên địa bàn tỉnh	3.238.000.000	3.238.000.000	3.238.000.000	
-	Thuê dịch vụ cung ứng và vận hành hệ thống thông tin dịch vụ công 1022	801.000.000	801.000.000	801.000.000	
-	Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai	3.732.000.000	3.732.000.000	3.732.000.000	
-	Xây dựng 03 phân hệ phần mềm Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai.	4.181.000.000	4.181.000.000	4.181.000.000	
-	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính	34.000.000	34.000.000	34.000.000	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
-	Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	708.000.000	708.000.000		708.000.000
-	Chi phí quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống thông tin của tỉnh	1.299.000.000	1.299.000.000		1.299.000.000
-	Chi phí mua sắm thiết bị và gia hạn license cho các thiết bị thuộc hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	4.846.000.000	4.846.000.000		4.846.000.000
-	Chi phí thuê dịch vụ hỗ trợ vận hành hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai và vận hành hệ thống LGSP tỉnh Gia Lai	479.000.000	479.000.000		479.000.000
-	Kinh phí triển khai thuê đường truyền mạng số liệu chuyên dùng phục vụ kết nối hệ thống mạng wan trên địa bàn tỉnh gia lai	2.987.000.000	2.987.000.000		2.987.000.000
-	Đầu tư mua sắm bổ sung, nâng cấp hạ tầng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến hiện có	3.665.000.000	3.665.000.000		3.665.000.000
-	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	2.916.000.000	2.916.000.000	1.363.000.000	1.553.000.000
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	3.006.000.000	3.006.000.000	3.006.000.000	-
3.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.705.000.000	2.705.000.000	2.705.000.000	
-	Liên hoan Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai lần thứ XI	180.000.000	180.000.000	180.000.000	
-	Xây dựng và phát sóng chuyên mục Thông tin và Truyền thông trên Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai	59.000.000	59.000.000	59.000.000	
-	Chi hoạt động về thông tin đối ngoại	619.000.000	619.000.000	619.000.000	
-	Chi hoạt động về thông tin cơ sở	56.000.000	56.000.000	56.000.000	
-	Đọc, kiểm tra lưu chiểu, xuất bản phẩm lưu chiểu	18.000.000	18.000.000	18.000.000	
-	Xuất bản Bản tin Thông tin và Truyền thông	157.000.000	157.000.000	157.000.000	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
-	Tổ chức Ngày Sách Việt Nam 21/4	66.000.000	66.000.000	66.000.000	
-	Kinh phí thực hiện hợp tác tuyên truyền với các cơ quan báo, đài	1.209.000.000	1.209.000.000	1.209.000.000	
-	Kinh phí tuyên truyền Cải cách hành chính	341.000.000	341.000.000	341.000.000	
	+ Tổ chức cuộc thi báo chí tuyên truyền về CCHC	148.000.000	148.000.000	148.000.000	
	+ In tờ rời tuyên truyền về quy định tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	40.000.000	40.000.000	40.000.000	
	+ Tuyên truyền, định hướng việc sử dụng dịch vụ Internet, mạng xã hội lành mạnh và an toàn trong học đường	106.000.000	106.000.000	106.000.000	
	+ In ấn tờ gấp tuyên truyền trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật không ảnh hưởng đến sức khỏe	47.000.000	47.000.000	47.000.000	
3.2	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	301.000.000	301.000.000	301.000.000	
4	Chi sự nghiệp Khoa học - công nghệ	173.000.000	173.000.000	173.000.000	-
4.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	156.000.000	156.000.000	156.000.000	
-	Tổ chức Hội thi Tin học trẻ tỉnh Gia Lai	156.000.000	156.000.000	156.000.000	
4.2	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	17.000.000	17.000.000	17.000.000	
5	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	437.000.000	437.000.000	437.000.000	-
5.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	393.000.000	393.000.000	393.000.000	
-	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin (CNTT) cho CCVC	393.000.000	393.000.000	393.000.000	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
5.2	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	44.000.000	44.000.000	44.000.000	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 202/QĐ-STTTT ngày 30/12/2021
của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	120.000.000
1	Thu phí, lệ phí năm 2021	120.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	120.000.000
	Số phí, lệ phí nộp NSNN	120.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.353.000.000
1	Chi quản lý hành chính	5.117.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.145.000.000
-	Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	2.918.000.000
-	Lương hợp đồng không làm chuyên môn nghiệp vụ	169.000.000
-	Chi thường xuyên theo định mức	952.000.000
-	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	106.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	972.000.000
-	Trang phục thanh tra	18.000.000
-	Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	859.000.000
-	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	95.000.000
2	Chi sự nghiệp Kinh tế	13.620.000.000
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.257.000.000
-	Hoạt động của đội kiểm tra liên ngành phòng chống in lậu	27.000.000
-	Bản tin báo chí viết về tỉnh Gia Lai hàng ngày	97.000.000
-	Kinh phí kiểm tra chất lượng bưu chính công ích	31.000.000
-	Tổ chức lễ phát động cuộc thi viết thư UPU	12.000.000
-	Tập huấn công tác đảm bảo an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính	15.000.000
-	Hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai	89.000.000
-	Thuê dịch vụ sao lưu dữ liệu cho các hệ thống dùng chung trên địa bàn tỉnh	3.238.000.000
-	Thuê dịch vụ cung ứng và vận hành hệ thống thông tin dịch vụ công 1022	801.000.000
-	Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai	3.732.000.000
-	Xây dựng 03 phân hệ phần mềm Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Gia Lai.	4.181.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
-	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính	34.000.000
2.2	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	1.363.000.000
3	<i>Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin</i>	<i>3.006.000.000</i>
3.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.705.000.000
-	Liên hoan Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai lần thứ XI	180.000.000
-	Xây dựng và phát sóng chuyên mục Thông tin và Truyền thông trên Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai	59.000.000
-	Chi hoạt động về thông tin đối ngoại	619.000.000
-	Chi hoạt động về thông tin cơ sở	56.000.000
-	Đọc, kiểm tra lưu chiếu, xuất bản phẩm lưu chiếu	18.000.000
-	Xuất bản Bản tin Thông tin và Truyền thông	157.000.000
-	Tổ chức Ngày Sách Việt Nam 21/4	66.000.000
-	Kinh phí thực hiện hợp tác tuyên truyền với các cơ quan báo, đài	1.209.000.000
-	Kinh phí tuyên truyền Cải cách hành chính	341.000.000
-	+ <i>Tổ chức cuộc thi báo chí tuyên truyền về CCHC</i>	<i>148.000.000</i>
-	+ <i>In tờ rơi tuyên truyền về quy định tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.</i>	<i>40.000.000</i>
-	+ <i>Tuyên truyền, định hướng việc sử dụng dịch vụ Internet, mạng xã hội lành mạnh và an toàn trong học đường</i>	<i>106.000.000</i>
-	+ <i>In ấn tờ gấp tuyên truyền trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật không ảnh hưởng đến sức khỏe</i>	<i>47.000.000</i>
3.2	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	301.000.000
4	<i>Chi sự nghiệp Khoa học - công nghệ</i>	<i>173.000.000</i>
4.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	156.000.000
-	Tổ chức Hội thi Tin học trẻ tỉnh Gia Lai	156.000.000
4.2	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	17.000.000
5	<i>Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo</i>	<i>437.000.000</i>
5.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	393.000.000
-	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin (CNTT) cho CCVC	393.000.000
5.2	Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương (giữ lại ngân sách tỉnh)	44.000.000